

BÁO CÁO 2
KHÁI QUÁT ĐIỂM MỚI TRONG THÔNG TƯ CỦA NHÀ NƯỚC, QUY ĐỊNH CỦA BỘ
GD&ĐT BAN HÀNH NĂM 2026 TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP
ĐẾN CÔNG TÁC ĐBCL BÊN TRONG CỦA TRƯỜNG ĐHNH, ĐHQGHN

Báo cáo: Lê Thị Huyền Trang, P. QTCL, 15 phút

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Năm 2026 đánh dấu giai đoạn chuyển đổi quan trọng của giáo dục đại học khi Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 chính thức có hiệu lực. Trên cơ sở đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành đồng loạt nhiều thông tư mới, đồng thời sửa đổi, thay thế các văn bản nền tảng về tuyển sinh, quy chế đào tạo và chuẩn chương trình đào tạo. Tính đến tháng 8/2026, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành khoảng 100 văn bản mới, trong đó có hơn 30 văn bản liên quan trực tiếp đến giáo dục đại học. Đặc biệt, tháng 6 và tháng 7 là giai đoạn cao điểm khi hàng loạt Thông tư 52, 53, 54, 56/2026 cùng các văn bản hướng dẫn liên quan được ban hành, tạo nên sự thay đổi đồng bộ đối với hệ thống quản trị, đào tạo và bảo đảm chất lượng trong các cơ sở giáo dục đại học.

Trong bối cảnh đó, Nhà trường đã tổng hợp 15 văn bản mới ban hành trong năm 2026 và 06 văn bản nền đang áp dụng hoặc sắp được thay thế làm cơ sở rà soát. Việc đối chiếu, cập nhật và tích hợp các quy định mới vào Kế hoạch tổng thể bảo đảm chất lượng bên trong giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2035 là yêu cầu cấp thiết nhằm bảo đảm tính tuân thủ, thống nhất và phù hợp với định hướng đổi mới quản trị đại học.

II. CÁC VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH NĂM 2026

TT	Văn bản	Ngày BH / hiệu lực	Nội dung chính	Mức độ tác động ĐBCL
1	QĐ 38/2026/QĐ-TTg	BH: 23/7/2026 HL: 7/9/2026	Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân. Thay thế QĐ 1981/QĐ-TTg (18/10/2016). Điểm mới: hệ thống giáo dục được phân thành 9 cấp độ (bậc 0-8); lần đầu tiên xác lập vị trí chính thức của chương trình giáo dục trung học nghề trong hệ thống; là căn cứ xây dựng/rà soát/điều chỉnh chương trình giáo dục và tăng liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo.	Vừa phải
2	QĐ 39/2026/QĐ-TTg	BH: 23/7/2026 HL: 7/9/2026	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF). Thay thế QĐ 1982/QĐ-TTg (18/10/2016). Vẫn giữ 8 bậc trình độ (đại học bậc 6, thạc sĩ bậc 7, tiến sĩ bậc 8) nhưng chuyển sang quy	Cao

TT	Văn bản	Ngày BH / hiệu lực	Nội dung chính	Mức độ tác động ĐBCL
			định theo hướng khung: chỉ mô tả chung kiến thức - kỹ năng - mức tự chủ trách nhiệm và khối lượng học tập tối thiểu từng bậc, không gắn với ngành/ngành cụ thể; là căn cứ trực tiếp để xây dựng chuẩn chương trình đào tạo (TT 54/2026) và phục vụ công tác tự đánh giá và kiểm định.	
3	QĐ 1512/QĐ-TTg	BH: 8/8/2026	Phê duyệt Đề án phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội thuộc nhóm cơ sở giáo dục đại học hàng đầu châu Á Nội dung: từ nay đến năm 2030, VNU cần lọt vào top 100 đại học hàng đầu châu Á và top 500 thế giới, có ít nhất một lĩnh vực trong nhóm 100 thế giới theo các bảng xếp hạng uy tín. Các lĩnh vực này gồm: công nghệ bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, năng lượng mới, vật liệu mới và khoa học xã hội - nhân văn liên ngành.	Cao
4	TT 10/2026/TT-BGDĐT	BH: 26/2/2026 HL: 15/4/2026	Quy chế văn bằng, chứng chỉ (VBCC) của hệ thống giáo dục quốc dân. <i>Thay thế TT 21/2019, TT 27/2019, TT 16/2020 và các quyết định về mẫu văn bằng cũ (QĐ 17/2008, QĐ 25/2008).</i> Điểm mới: chính thức công nhận VBCC bản số song song bản giấy, giá trị pháp lý ngang nhau; bỏ quy định Bộ in phôi, phân cấp thẩm quyền ký/cấp bản sao/thu hồi/hủy văn bằng cho cơ sở đào tạo; xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia dùng chung về VBCC (kết nối HEMIS).	Cao
5	TT 04/2025/TT-BGDĐT	BH: 17/02/2025 HL: 04/04/2025 (Ban hành năm	Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học	Rất cao

TT	Văn bản	Ngày BH / hiệu lực	Nội dung chính	Mức độ tác động ĐBCL
		<i>2025 nhưng là 1 văn bản mới, rất quan trọng)</i>	Thay thế TT 04/2016/TT-BGDĐT Điểm mới: Bộ tiêu chuẩn gồm 8 tiêu chuẩn và 52 tiêu chí (trong đó có 10 tiêu chí điều kiện bắt buộc đạt). Thay đổi phương pháp đánh giá từ thang điểm 1-7 sang mức Đạt hoặc Không đạt. Các tiêu chí điều kiện là cốt lõi; nếu không đạt dù chỉ 1 tiêu chí điều kiện, chương trình đào tạo sẽ không đạt yêu cầu chuẩn chất lượng toàn diện theo quy định mới.	
6	TT 20/2026/ TT-BGDĐT	BH: 31/03/2026 HL: 15/05/2026	Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học Thay thế TT 12/2017/TT-BGDĐT Điểm mới: Bộ tiêu chuẩn gồm 15 tiêu chuẩn và 60 tiêu chí; bao quát toàn diện các mặt hoạt động của trường đại học như: Tầm nhìn và sứ mạng, Quản trị đại học, Đào tạo và nghiên cứu khoa học, Đội ngũ nhân sự và người học, Tài chính và cơ sở vật chất, Chuyển đổi số, phục vụ cộng đồng, Bảo đảm chất lượng bên trong.	Rất cao
7	TT 33/2026/ TT-BGDĐT	BH: 15/4/2026 HL: 31/5/2026	Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam (KNLNNVN). Thay thế TT 01/2014/TT-BGDĐT. Điểm mới: bổ sung thêm mức Tiền bậc 1 (Pre A1), cập nhật theo phiên bản mới của Khung tham chiếu chung châu Âu - CEFR (2020-2021), tăng tương thích quốc tế; làm căn cứ công nhận chứng chỉ ngoại ngữ nước ngoài tương đương các bậc của KNLNNVN trong tuyển sinh, đào tạo GDĐH.	Rất cao
8	TT 49/2026/ TT-BGDĐT	BH: 30/6/2026 HL: 15/8/2026	Ứng dụng công nghệ trong giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Nội dung: nguyên tắc, điều kiện ứng dụng công nghệ số và AI trong đào tạo, NCKH,	Rất cao

TT	Văn bản	Ngày BH / hiệu lực	Nội dung chính	Mức độ tác động ĐBCL
			quản trị; yêu cầu hạ tầng số liên thông, chia sẻ dữ liệu; quy định 6 hành vi vi phạm liên chính học thuật trong môi trường số (dùng AI gian lận, đạo văn/sao chép, giả mạo dữ liệu nghiên cứu, nhờ người khác làm bài, không công bố việc dùng AI khi có yêu cầu...); trách nhiệm giải trình khi sử dụng AI.	
9	TT 52/2026/ TT-BGD ĐT	BH: 30/6/2026 HL: 15/8/2026	Liên thông giữa trung học nghề, trung cấp, cao đẳng và đại học. Văn bản mới, tạo hành lang pháp lý thống nhất cho đào tạo liên thông (trước đây quy định rải rác, chưa thống nhất). Điểm mới: mở rộng, tăng cường công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ; người học liên thông không phải học lại học phần đã được công nhận nếu đáp ứng chuẩn đầu ra tương đương (trên cơ sở đối sánh, không công nhận tự động); vẫn bảo đảm chuẩn đầu ra, công bằng, minh bạch, trách nhiệm giải trình.	Vừa phải
10	TT 53/2026/ TT-BGD ĐT	BH: 30/6/2026 HL: 30/6/2026 (áp dụng khóa tuyển sinh từ 1/1/2027)	Quy chế tuyển sinh và đào tạo sau đại học. Thay thế đồng thời TT 23/2021 (Quy chế tuyển sinh, đào tạo thạc sĩ) và TT 18/2021 (Quy chế tuyển sinh, đào tạo tiến sĩ) - hợp nhất thành 1 quy chế thống nhất, gồm 5 chương, 34 điều. Điểm mới: tăng quyền tự chủ gắn trách nhiệm giải trình, cơ sở đào tạo chủ động xây dựng phương thức tuyển sinh phù hợp từng CTĐT nhưng vẫn bảo đảm chất lượng đầu vào và chuẩn đầu ra; công khai, minh bạch, bình đẳng.	Rất cao
11	TT 54/2026/ TT-BGD	BH: 30/6/2026 HL: 30/6/2026	Chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.	Rất cao

TT	Văn bản	Ngày BH / hiệu lực	Nội dung chính	Mức độ tác động ĐBCL
	ĐT		Thay thế TT 17/2021/TT-BGDĐT (Chuẩn CTĐT). Điểm mới: lần đầu yêu cầu chuẩn đầu ra trình độ đại học bắt buộc tích hợp năng lực số, nội dung về AI, năng lực ngoại ngữ, khả năng thích ứng và học tập suốt đời; quy định khối lượng học tập tối thiểu (ĐH ≥ 120 tín chỉ, chương trình chuyên sâu đặc thù ≥ 150 tín chỉ, thạc sĩ ≥ 45 tín chỉ, tiến sĩ 90 tín chỉ); giảng viên có trình độ tiến sĩ giữ vai trò nòng cốt; trường tự chủ xây dựng CTĐT nhưng chịu trách nhiệm giải trình.	
12	TT 56/2026/TT-BGDĐT	BH: 7/7/2026 HL: 7/7/2026	Quy chế đào tạo trình độ đại học. Thay thế TT 08/2021/TT-BGDĐT (18/3/2021). Điểm mới: hoạt động đào tạo phải tuân theo chuẩn đầu ra, khối lượng học tập, điều kiện bảo đảm chất lượng và trách nhiệm giải trình của cơ sở đào tạo (thay vì chủ yếu quản lý theo quy trình như trước); có bảng so sánh chi tiết TT 56/2026 với TT 08/2021 do các cơ sở đào tạo tự tổng hợp áp dụng.	Rất cao
13	TT 61/2026/TT-BGDĐT	BH: 17/7/2026 HL: 1/9/2026	Khai thác, sử dụng tài nguyên giáo dục mở (OER) trong hoạt động giáo dục đại học. Lần đầu có khung pháp lý thống nhất về học liệu mở, giấy phép mở, Công tài nguyên giáo dục mở quốc gia (do Bộ GD&ĐT quản lý). Yêu cầu minh bạch với học liệu có nội dung do AI tạo ra; xác định OER là nền tảng cốt lõi triển khai giáo dục đại học số.	Cao
14	TT 62/2026/TT-BGD	BH: 28/7/2026 HL: 12/9/2026	Quy trình biên soạn, ban hành chương trình, giáo trình dạy học các môn học/học phần bắt buộc dùng chung trong CTĐT các	Cao

TT	Văn bản	Ngày BH / hiệu lực	Nội dung chính	Mức độ tác động ĐBCL
	ĐT		trình độ GDDH. Văn bản mới, chuẩn hóa quy trình vốn trước đây quy định rải rác. Thống nhất quy trình biên soạn - thẩm định - ban hành - công khai - cập nhật; giáo trình phải bảo đảm tính khoa học, cập nhật, tuân thủ sở hữu trí tuệ và liêm chính học thuật; không hạn chế quyền tự chủ giảng dạy của cơ sở đào tạo.	
15	QĐ 2249/QĐ-BGDĐT	BH: 31/07/2026	Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Vừa phải
16	HD 5185/BGDDT-GDĐH	BH: 6/8/2026	Hướng dẫn CSGD rà soát, đối sánh CDR của các CTĐT với bảng mô tả các mức độ đạt được theo Khung tham chiếu trình độ ASEAN	Cao

III. CÁC VĂN BẢN NỀN ĐANG ÁP DỤNG / SẮP ĐƯỢC THAY THẾ CẦN ĐỐI CHIẾU

TT	Văn bản	Tên, Nội dung	Vai trò hiện hành	Ghi chú cập nhật 2026
1	TT 17/2021/TT-BGDĐT (22/6/2021)	Chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT (đang áp dụng)	Khung chuẩn chương trình đào tạo, quy trình xây dựng/thẩm định/ban hành CTĐT hiện hành, làm căn cứ xây dựng 09 CTĐT dự kiến kiểm định.	Đã thay thế bởi TT 54/2026/TT-BGDĐT (BH 30/6/2026) -> CTĐT phải bổ sung chuẩn đầu ra về năng lực số, AI, ngoại ngữ. (hiện trường đã điều chỉnh CTĐT theo hướng này)
2	TT 08/2021/TT-BGDĐT (18/3/2021)	Quy chế đào tạo trình độ đại học (đang áp dụng)	Quy định tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học hiện hành.	Đã thay thế bởi TT 56/2026/TT-BGDĐT (BH & HL 7/7/2026) -> cần rà soát lộ trình chuyển tiếp cho khóa đang đào tạo theo quy chế cũ.

TT	Văn bản	Tên, Nội dung	Vai trò hiện hành	Ghi chú cập nhật 2026
3	TT 23/2021 & TT 18/2021/TT-BGDĐT (2021)	Quy chế tuyển sinh, đào tạo trình độ thạc sĩ (TT 23/2021) và trình độ tiến sĩ (TT 18/2021) (đang áp dụng)	Hai quy chế riêng biệt cho đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ hiện hành.	Đã thay thế bởi TT 53/2026/TT-BGDĐT (hợp nhất thành 1 quy chế) -> áp dụng cho khóa thông báo tuyển sinh từ 1/1/2027; khóa trước đó tiếp tục theo quy định cũ.
4	VBHN07	Điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo ĐH/ThS/TS	Quy định điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, chương trình để được mở ngành đào tạo các trình độ.	Đã thay thế bởi TT 54/2026/TT-BGDĐT (BH & HL 30/6/2026) -> cần rà soát các CTĐT cũ đảm bảo đáp ứng điều kiện của TT này trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày ban hành.
5	QĐ 1982/QĐ-T Tg (18/10/2016)	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (đang áp dụng)	8 bậc trình độ hiện hành, làm căn cứ xây dựng chuẩn chương trình.	Đã thay thế bởi QĐ 39/2026/QĐ-TTg, hiệu lực từ 7/9/2026 (vẫn 8 bậc nhưng quy định theo hướng khung chung, tách khỏi ngành/nghề cụ thể).
6	TT 01/2024/TT-BGDĐT (5/2/2024)	Chuẩn cơ sở giáo dục đại học (đang áp dụng)	Bộ tiêu chuẩn, chỉ số hiện hành làm căn cứ đánh giá cơ sở GDĐH (tuyển sinh, đội ngũ, tài chính, NCKH...).	Sắp thay thế: Bộ GD&ĐT đã lấy ý kiến Dự thảo Thông tư Chuẩn CSGDĐH mới (hết hạn góp ý 1/7/2026), dự kiến hiệu lực từ tháng 8/2026 -> Nội dung dự kiến: chuyển từ “kiểm soát đầu vào” sang “giám sát chất lượng đầu ra”; giữ 6 nhóm tiêu chuẩn; bổ sung chỉ số về học liệu số, hệ thống học tập số; có chỉ số riêng cho khối ngành Luật, Sức khỏe.
7	TT 04/2016/TT-BGDĐT	Bộ tiêu chuẩn kiểm định CTĐT: 11 tiêu chuẩn, 50	Đã áp dụng cho các CTĐT kiểm định năm 2026 về trước.	Đã thay thế bởi TT 04/2025/TT-BGDĐT (HL 04/4/2025) đổi từ thang điểm

TT	Văn bản	Tên, Nội dung	Vai trò hiện hành	Ghi chú cập nhật 2026
	(14/3/2016)	tiêu chí theo AUN-QA 3.0 (đang áp dụng trước đây)		1-7 sang cơ chế Đạt/Không đạt; 8 tiêu chuẩn, 52 tiêu chí, trong đó có 10 tiêu chí điều kiện bắt buộc phải đạt.
8	TT 12/2017/TT-BGDĐT (19/5/2017)	Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDĐH: 25 tiêu chuẩn, 111 tiêu chí (đang áp dụng trước đây)	Đã áp dụng cho lần kiểm định cấp cơ sở giáo dục đại học năm 2022.	Đã thay thế bởi TT 20/2026/TT-BGDĐT (HL 15/5/2026) rút gọn còn 15 tiêu chuẩn, 60 tiêu chí, bổ sung nội dung về chuyển đổi số, phát triển bền vững, sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát, đối sánh, so chuẩn trong cải tiến chất lượng.

IV. NHỮNG ĐIỂM MỚI ĐÁNG CHÚ Ý TÁC ĐỘNG ĐẾN CÔNG TÁC ĐBCL BÊN TRONG CỦA TRƯỜNG ĐHNH

- Văn bằng, chứng chỉ chính thức có hình thức số (TT 10/2026) - ***đòi hỏi hệ thống quản lý dữ liệu người học, cấp phát văn bằng của Trường phải kết nối, đồng bộ và bảo đảm giá trị pháp lý ngang bằng bản giấy.***
- Ứng dụng công nghệ số và AI trong đào tạo, NCKH, quản trị trở thành yêu cầu bắt buộc phải thể chế hóa bằng quy định nội bộ (TT 49/2026) - ***BP Thanh tra pháp chế rà soát chính sách liên chính học thuật, minh bạch khi sử dụng AI.***
- Tài nguyên giáo dục mở (OER) lần đầu có khung pháp lý thống nhất (TT 61/2026) - ***mở ra yêu cầu và cơ hội để Trường xây dựng, chia sẻ học liệu mở, phục vụ đối sánh với các CSGD khác.***
- Quy trình biên soạn, ban hành giáo trình dùng chung được chuẩn hóa, bắt buộc công khai minh bạch, có trách nhiệm giải trình từng khâu (TT 62/2026) - ***tác động trực tiếp tới việc rà soát giáo trình các học phần dùng chung của Trường.***
- Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân (QĐ 38/2026) và Khung trình độ quốc gia Việt Nam (QĐ 39/2026) cùng có hiệu lực từ 7/9/2026, thay thế QĐ 1981/2016 và QĐ 1982/2016 ***là nền tảng pháp lý mà chuẩn đầu ra, khối lượng học tập của CTĐT (TT 54/2026) phải căn cứ vào; ĐBCL cần phối hợp với P. ĐT&NH rà soát tính thống nhất giữa CTĐT hiện hành với 2 khung này.***
- Quy chế đào tạo (TT 56/2026) và Chuẩn chương trình đào tạo (TT 54/2026) đã chính thức thay thế các văn bản nền TT 08/2021 và TT 17/2021 - ***chuẩn đầu ra CTĐT bắt buộc tích hợp năng lực số, AI, ngoại ngữ; Nhà trường đã rà soát trong đợt điều chỉnh CTĐT 2026, đảm bảo đáp ứng yêu cầu trước khi kiểm định 09 CTĐT năm 2027.***
- Quy chế tuyển sinh và đào tạo sau đại học được hợp nhất trong 1 văn bản (TT 53/2026, thay

TT 18/2021 và TT 23/2021) **áp dụng từ khóa tuyển sinh 1/1/2027, đòi hỏi rà soát toàn bộ quy trình quản trị đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ từ tuyển sinh, luận văn/luận án, công khai dữ liệu, trách nhiệm giải trình.**

- Chuẩn cơ sở giáo dục đại học (TT 01/2024) sắp được thay thế bằng Thông tư mới (dự kiến hiệu lực 8/2026), **đòi hỏi chỉ số về học liệu số, hệ thống học tập số cụ thể như tỷ lệ tiếp cận, sử dụng thư viện trực tiếp/ trực tuyến đạt tối thiểu 60%; 100% GV và NH có tài khoản LMS; 90% NH có phát sinh hoạt động trên LMS.**
- Kiểm định chất lượng CTĐT (TT04/2025) và CSGD (TT20/2026) theo bộ tiêu chuẩn mới với nhiều quy định mới và khắt khe hơn, **đòi hỏi BP.ĐBCL cần rà soát, xây dựng ngay hệ thống minh chứng, đặc biệt là các minh chứng điều kiện cho 09 CTĐT và minh chứng rà soát, so chuẩn, bền vững trong bộ CSGD dự kiến kiểm định 2027.**

V. NHỮNG YÊU CẦU CẦN CHUẨN BỊ CỦA NHÀ TRƯỜNG

- Rà soát, cập nhật toàn bộ hệ thống văn bản ĐBCL, đào tạo nội bộ theo Quy chế đào tạo mới (TT 53/2026, TT 56/2026) và Chuẩn chương trình đào tạo mới (TT 54/2026), có lộ trình chuyển tiếp cho các khóa đang đào tạo theo quy chế cũ.
- Rà soát chuẩn đầu ra của 09 chương trình đào tạo dự kiến kiểm định năm 2027, bổ sung các yêu cầu về năng lực số, AI, ngoại ngữ theo TT 54/2026, đối chiếu Khung năng lực ngoại ngữ mới (TT 33/2026) và Khung trình độ quốc gia mới (QĐ 39/2026).
- Xây dựng/hoàn thiện quy định nội bộ về ứng dụng công nghệ, AI trong đào tạo và NCKH theo TT 49/2026, gắn với chính sách liên chính học thuật.
- Chuẩn hóa quy trình biên soạn, thẩm định, công khai giáo trình các học phần dùng chung theo TT 62/2026; từng bước xây dựng, chia sẻ tài nguyên giáo dục mở theo TT 61/2026.
- Rà soát hệ thống quản lý, cấp phát văn bằng chứng chỉ (kể cả hình thức số) theo TT 10/2026.
- Theo dõi sát tiến độ ban hành chính thức Thông tư Chuẩn cơ sở giáo dục đại học mới (thay TT 01/2024, dự kiến hiệu lực 8/2026) để chủ động cập nhật hệ thống chỉ số, KPI của Kế hoạch tổng thể ĐBCL.
- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá 9 CTĐT và CSGD theo TT 04/2025 và TT 20/2026; chuẩn bị, rà soát danh mục minh chứng gợi ý theo Bộ tiêu chuẩn mới, đặc biệt là minh chứng cho các tiêu chí điều kiện.

VI. VAI TRÒ CỦA ĐBCL TRONG PHỐI HỢP VỚI CÁC ĐƠN VỊ

- Là đầu mối xây dựng, chuẩn hóa hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung trong đào tạo, văn bằng, giáo trình, tài nguyên mở phục vụ tự đánh giá, báo cáo và vận hành Dashboard.
- Chủ trì, phối hợp tổ chức khảo sát các bên liên quan (người học, giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên) theo yêu cầu minh chứng của các bộ tiêu chuẩn, quy chế mới.
- Thực hiện đối sánh nội bộ và với các cơ sở giáo dục đại học khác trong khai thác tài nguyên giáo dục mở, ứng dụng công nghệ/AI và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.
- Phối hợp các đơn vị đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng rà soát, cải tiến liên

tục theo chu trình PDCA, gắn với mục tiêu, nhiệm vụ, KPI trong Kế hoạch tổng thể ĐBCL bên trong giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2035.

- Tham mưu Ban Giám hiệu, Chủ tịch Hội đồng ĐBCLGD cập nhật kịp thời các văn bản mới; tổ chức tập huấn, phổ biến nội bộ, đặc biệt các quy định về AI, dữ liệu số và văn bằng số.
- Phối hợp các đơn vị chuẩn bị hồ sơ tự đánh giá CTĐT và cơ sở đào tạo theo 2 bộ tiêu chuẩn kiểm định mới (TT 04/2025, TT 20/2026).

VII. ĐỀ XUẤT VỚI HỘI ĐỒNG

- Phòng Quản trị Chất lượng phối hợp chặt chẽ với P. VP Tổng hợp, P. ĐT&NH cùng các đơn vị liên quan soát toàn bộ hệ thống văn bản, quy trình nội bộ theo các thông tư, quy định mới năm 2026 và các văn bản thay thế (TT 04/2025, TT 20/2026, QĐ 38/2026, QĐ 39/2026, TT 33/2026, TT 52/2026, TT 53/2026, TT 54/2026, TT 56/2026), hoàn thành trong quý IV/2026.
- Phối hợp với P. ĐT&NH, P. KHCN&HTPT cùng xây dựng quy định nội bộ về ứng dụng AI trong đào tạo, NCKH theo TT 49/2026 và hệ thống quản lý văn bằng số theo TT 10/2026.
- Ưu tiên rà soát, xây dựng minh chứng đáp ứng bộ tiêu chuẩn kiểm định CTĐT theo TT 04/2025, đặc biệt chú ý 10 nhóm tiêu chí điều kiện và những minh chứng cốt lõi trong TT 20/2026 về KĐCL CSGD.
- Giao ĐBCL rà soát khung KPIs của Kế hoạch tổng thể ĐBCL, bổ sung phụ lục liên quan đến KPI về chính sách liên chính học thuật trong môi trường số, KPI về tài nguyên giáo dục mở OER, hạ tầng công nghệ,... để phù hợp với các yêu cầu mới của Bộ GD&ĐT, báo cáo Hội đồng tại phiên họp tiếp theo./.